

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

## **BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4879/SNNMT-CCKSTNN ngày 14/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

### **I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí năm 2001; khoản 9 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) thông qua Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 về quy định lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; khoản 13, 14, 15, 16 Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) thông qua các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Nghị quyết số 142/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó: “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang”.

Căn cứ quy định tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã thông qua Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/7/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó:

- Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (cũ) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

- Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh Kiên Giang (cũ) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

- Nghị quyết số 142/2018/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Khoản 5 mục IX phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm Luật phí và lệ phí quy định:

IX	PHÍ THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
5	Phí khai thác, sử dụng nguồn nước	
5.1	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động thăm định do cơ quan trung ương thực hiện; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện.
5.2	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động thăm định do cơ quan trung ương thực hiện; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện.
5.3	Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động thăm

		định do cơ quan trung ương thực hiện; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.
--	--	---

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

**“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”.

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND, Nghị quyết số 142/2018/NQ-HĐND) là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

## II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định:

**“Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh An Giang.**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh An Giang, gồm:

a) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất.

b) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

c) Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển.”.

Đề nghị in đậm tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết, rà soát điều chỉnh thống nhất với đề xuất điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết tại khoản 1 mục III Báo cáo này.

2. Đối tượng áp dụng: khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định:

*“2. Đối tượng áp dụng:*

*a) Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.*

*b) Tổ chức thu phí: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.”.*

Đề xuất cơ quan soạn thảo rà soát quy định trên đã đảm bảo đầy đủ đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết chưa.

### **III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Tên gọi dự thảo Nghị quyết quy định: **“Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh An Giang”**. Tuy nhiên, tại Thông báo số 54/TB-TT ngày 05/5/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận việc đăng ký xây dựng **Nghị quyết quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.**

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh tên gọi của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp, đồng thời, điều chỉnh tên của Đề án thu phí cho phù hợp.

2. Căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết, gợi ý điều chỉnh đảm bảo theo quy định tại khoản 1 phần III mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP:

*“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;*

...

*Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật Phí và lệ phí;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thăm định hồ sơ, điều*

*kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thăm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.”.*

Đồng thời, rà soát sự phù hợp của việc căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC, đề nghị cơ quan chuyên môn xin ý kiến của Bộ chuyên ngành đối với hiệu lực của hai văn bản trên, vì khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

*“22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 như sau:*

*“2. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần do có văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản đó hết hiệu lực, trừ trường hợp được công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần. Văn bản công bố là văn bản hành chính phải được đăng tải trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.”.*

3. Mức thu phí tại khoản 3 Điều 1 dự thảo do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng tại Đề án thu phí, ý kiến thăm định của Sở Tài chính.

4. Khoản 4 Điều 1 dự thảo quy định:

*“4. Chế độ khai, thu, nộp, quản lý và quyết toán phí:*

*a) Khai, thu, nộp phí:*

*- Người nộp phí:*

*Thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh. Nộp phí cho tổ chức thu phí trước thời gian tổ chức thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; thăm định đề án khai thác nước mặt, nước biển; thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo thời gian trong thông báo nộp phí của tổ chức thu phí.*

*Nộp tiền phí vào ngân sách nhà nước theo một trong các hình thức sau: Nộp cho tổ chức thu phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.*

*- Tổ chức thu phí:*

*Tổ chức thu phí thực hiện khai, nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.*

*b) Quản lý phí:*

*Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định: “Phí thu từ các hoạt động dịch*

vu do tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước”, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang tổ chức thu phí và nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Chi phí cho việc thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

c) Quyết toán phí:

Hàng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

d) Chứng từ thu phí:

Tổ chức thu phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho người nộp phí, lệ phí theo quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ và thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

g) Các nội dung khác liên quan đến khai, thu, nộp, quản lý và quyết toán phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang theo Luật Phí và Lệ phí, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và các văn bản quy định pháp luật có liên quan.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xác định nội dung quy định tại khoản 4 Điều 1 dự thảo đảm bảo các nội dung được giao theo quy định khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định:

**“Điều 3. Khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí**

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện khai (nếu có), nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. **Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.”.**

**IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Đề nghị điều chỉnh Tờ trình dự thảo Nghị quyết theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Điều chỉnh nơi kính gửi từ “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh” thành “Hội đồng nhân dân tỉnh”.

2. Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan có liên quan, đề nghị cơ quan soạn thảo liệt kê cụ thể từng ý kiến góp ý và giải trình hoặc tiếp thu đối với từng ý kiến đó (theo mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

3. Bản so sánh, thuyết minh dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo so sánh, đối chiếu và thuyết minh đối với từng nội dung của dự thảo.

4. Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về **quy định lệ phí cấp giấy phép** khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh cụ thể lý do để tham mưu thay thế Nghị quyết này tại Tờ trình dự thảo Nghị quyết, do nội dung liên quan đến lệ phí.

## **V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN**

1. Dự thảo Nghị quyết được chấp thuận đăng ký xây dựng tại Thông báo số 54/TB-TT ngày 05/5/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến chấp thuận việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến cơ quan có liên quan tại Công văn số 4484/SNNMT-CCKSTNN ngày 06/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc lấy ý kiến dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang và tổng hợp ý kiến tại Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý kèm theo.

## **VI. KẾT LUẬN**

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo theo các ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thăm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, httram.

**GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Tuấn Ngọc**